

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT BÌNH MINH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027 TẠI TRƯỜNG THPT BÌNH MINH

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
1	240338	NGUYỄN THÁI NINH	Nam	16/04/2011	THCS Văn Hải	Phòng 15	9.50	8.25	9.55	0.00	0.00	27.30	12A
2	240491	NGUYỄN VŨ BẢO VY	Nữ	19/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	8.00	9.00	9.15	0.00	0.00	26.15	12A
3	240129	PHAN NGỌC HÂN	Nữ	22/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	8.75	8.75	8.60	0.00	0.00	26.10	12A
4	240049	PHẠM HOÀNG HẢI BĂNG	Nữ	31/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 3	8.50	8.75	8.75	0.00	0.00	26.00	12A
5	240202	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	04/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 9	8.50	8.50	9.00	0.00	0.00	26.00	12A
6	240156	TRỊNH MINH HOÀNG	Nam	03/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 7	9.00	8.50	8.45	0.00	0.00	25.95	12A
7	240392	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	27/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 17	9.50	8.25	8.15	0.00	0.00	25.90	12A
8	240015	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	14/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 1	8.25	8.50	9.10	0.00	0.00	25.85	12A
9	240285	NGUYỄN NHẬT NAM	Nam	02/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	8.00	8.75	9.10	0.00	0.00	25.85	12A
10	240140	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	02/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 6	8.50	8.50	8.80	0.00	0.00	25.80	12A
11	240234	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	09/11/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	8.00	8.50	9.15	0.00	0.00	25.65	12A
12	240212	TRẦN NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	02/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 9	8.25	8.50	8.85	0.00	0.00	25.60	12A
13	240453	MAI VŨ TRƯỜNG	Nam	11/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 19	8.50	8.25	8.85	0.00	0.00	25.60	12A
14	240241	PHẠM MAI LINH	Nữ	19/03/2011	THCS Bình Minh	Phòng 11	8.50	8.50	8.50	0.00	0.00	25.50	12A
15	240301	LUƠNG BẢO NGỌC	Nữ	06/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	8.75	8.25	8.35	0.00	0.00	25.35	12A
16	240349	TRẦN VĂN PHÚC	Nam	15/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	8.50	8.25	8.60	0.00	0.00	25.35	12A
17	240290	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Nữ	08/12/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	8.50	8.50	8.25	0.00	0.00	25.25	12A
18	240017	NGUYỄN PHẠM HOÀNG ANH	Nữ	15/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 1	8.50	8.00	8.70	0.00	0.00	25.20	12A
19	240192	ĐÀO VĂN HƯỜNG	Nam	23/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 8	9.00	7.50	8.70	0.00	0.00	25.20	12A
20	240302	NGÔ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	30/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	8.75	8.75	7.65	0.00	0.00	25.15	12A
21	240501	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	7.75	8.75	8.40	0.00	0.00	24.90	12A
22	240187	ĐỖ THIÊN HƯƠNG	Nữ	01/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	7.75	8.25	8.85	0.00	0.00	24.85	12A
23	240219	NGUYỄN NGỌC LÃNG	Nam	20/06/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 10	8.75	7.50	8.50	0.00	0.00	24.75	12A
24	240262	VŨ NGỌC LY	Nữ	08/09/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 11	8.00	8.00	8.75	0.00	0.00	24.75	12A
25	240288	VŨ BẢO NAM	Nam	30/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 12	8.25	8.50	8.00	0.00	0.00	24.75	12A
26	240298	ĐINH THỊ NGỌC	Nữ	15/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	7.75	8.50	8.50	0.00	0.00	24.75	12A
27	240281	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	12/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	8.50	7.75	8.45	0.00	0.00	24.70	12A
28	240458	HOÀNG THÀNH TUẤN	Nam	19/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 20	8.25	8.00	8.45	0.00	0.00	24.70	12A
29	240395	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	8.00	7.75	8.85	0.00	0.00	24.60	12A
30	240414	NGUYỄN THỊ ANH THU	Nữ	11/02/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 18	8.50	7.75	8.30	0.00	0.00	24.55	12A

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
31	240035	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	02/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 2	9.00	7.75	7.65	0.00	0.00	24.40	12A
32	240343	PHẠM NAM PHONG	Nam	07/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 15	9.00	7.25	8.15	0.00	0.00	24.40	12A
33	240247	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	27/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 11	8.50	7.50	8.30	0.00	0.00	24.30	12A
34	240186	TRẦN VIỆT HÙNG	Nam	15/11/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 8	8.50	8.00	7.65	0.00	0.00	24.15	12A
35	240201	NGUYỄN KIM KHÁNH	Nữ	14/04/2011	THCS Đông Hải	Phòng 9	8.00	7.75	8.40	0.00	0.00	24.15	12A
36	240204	PHẠM LONG KHÁNH	Nam	15/01/2011	THCS Kim Tân	Phòng 9	9.00	7.75	7.40	0.00	0.00	24.15	12A
37	240229	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	27/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 10	7.75	8.25	8.15	0.00	0.00	24.15	12A
38	240441	TRẦN THỊ BẢO TRÂM	Nữ	19/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	8.50	7.00	8.55	0.00	0.00	24.05	12A
39	240493	PHẠM VŨ YẾN VY	Nữ	11/07/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	7.25	8.50	8.30	0.00	0.00	24.05	12A
40	240142	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	27/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	8.25	7.25	8.50	0.00	0.00	24.00	12A
41	240305	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	23/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 13	7.50	8.00	8.50	0.00	0.00	24.00	12A
42	240369	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	25/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 16	8.00	8.25	7.75	0.00	0.00	24.00	12A
43	240051	VŨ NGUYỄN NGỌC BÍCH	Nữ	02/12/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 3	7.75	7.00	9.20	0.00	0.00	23.95	12A
44	240188	MAI THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	16/08/2011	THCS Văn Hải	Phòng 8	7.50	8.25	8.20	0.00	0.00	23.95	12A
45	240490	LÊ PHẠM THỊ Ý VY	Nữ	26/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	7.50	9.00	7.45	0.00	0.00	23.95	12B
46	240421	PHAN THỊ ÁI THY	Nữ	26/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 18	8.00	7.75	8.15	0.00	0.00	23.90	12B
47	240495	TRẦN THẢO VY	Nữ	19/05/2011	THCS Đông Hải	Phòng 21	7.50	8.50	7.90	0.00	0.00	23.90	12B
48	240012	ĐỖ MINH ANH	Nữ	26/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 1	7.75	8.50	7.60	0.00	0.00	23.85	12B
49	240220	CAO PHẠM THANH LÂM	Nam	11/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	8.25	8.00	7.55	0.00	0.00	23.80	12B
50	240353	ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	22/03/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 15	7.25	8.50	8.00	0.00	0.00	23.75	12B
51	240159	TRẦN THỊ MÂY HỒNG	Nữ	12/03/2011	THCS Văn Hải	Phòng 7	7.75	8.00	7.95	0.00	0.00	23.70	12B
52	240189	PHAN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	02/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 8	8.00	8.25	7.40	0.00	0.00	23.65	12B
53	240250	TRẦN THUỶ LINH	Nữ	17/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	8.00	8.50	7.05	0.00	0.00	23.55	12B
54	240354	LÊ THỊ KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	17/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	8.00	7.75	7.75	0.00	0.00	23.50	12B
55	240375	NGUYỄN THANH SƠN	Nam	17/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	8.50	7.25	7.75	0.00	0.00	23.50	12B
56	240174	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	28/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 8	7.75	8.50	7.20	0.00	0.00	23.45	12B
57	240325	LƯƠNG YẾN NHI	Nữ	02/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	8.25	8.00	7.20	0.00	0.00	23.45	12B
58	240483	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	23/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	8.50	8.25	6.70	0.00	0.00	23.45	12B
59	240341	TRẦN QUỐC PHI	Nam	06/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 15	8.25	7.00	8.15	0.00	0.00	23.40	12B
60	240346	BÙI GIA PHÚC	Nam	05/12/2011	THCS Ninh Khang	Phòng 15	7.25	7.50	8.65	0.00	0.00	23.40	12B
61	240455	HOÀNG ANH TÚ	Nam	27/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	7.75	8.75	6.90	0.00	0.00	23.40	12B
62	240463	TRẦN MINH TUẤN	Nam	03/02/2011	THCS Đông Hải	Phòng 20	8.25	8.75	6.40	0.00	0.00	23.40	12B
63	240244	TẠ HÀ LINH	Nữ	09/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	6.25	8.75	8.30	0.00	0.00	23.30	12B
64	240257	ĐÌNH THỊ KHÁNH LY	Nữ	07/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	7.50	8.25	7.55	0.00	0.00	23.30	12B
65	240376	PHÙNG ANH SƠN	Nam	05/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	8.50	8.50	6.30	0.00	0.00	23.30	12B

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
66	240209	PHẠM HẢI ĐĂNG KHOA	Nam	19/05/2011	THCS Đông Hải	Phòng 9	8.50	7.75	7.00	0.00	0.00	23.25	12B
67	240274	TRẦN QUANG MINH	Nam	28/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	7.50	8.75	7.00	0.00	0.00	23.25	12B
68	240416	PHẠM ANH THƯ	Nữ	01/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 18	7.25	8.75	7.25	0.00	0.00	23.25	12B
69	240474	BÙI CHÍ TƯỜNG	Nam	21/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 20	8.00	8.75	6.50	0.00	0.00	23.25	12B
70	010148	ĐẶNG THANH PHONG	Nam	07/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	8.50	7.00	7.70	0.00	0.00	23.20	12B
71	240088	TRẦN ANH DUY	Nam	02/09/2011	THCS Kim Tân	Phòng 4	7.75	7.75	7.70	0.00	0.00	23.20	12B
72	240235	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	25/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 10	7.25	8.00	6.95	1.00	0.00	23.20	12B
73	240243	PHẠM THÙY LINH	Nữ	16/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 11	6.25	8.75	8.20	0.00	0.00	23.20	12B
74	240117	TRỊNH TRUNG ĐỨC	Nam	03/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 5	7.25	7.50	8.40	0.00	0.00	23.15	12B
75	240160	ĐOÀN KIM HUẾ	Nữ	16/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 7	8.00	8.00	7.15	0.00	0.00	23.15	12B
76	240308	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	17/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 13	6.50	8.25	8.35	0.00	0.00	23.10	12B
77	010907	NGUYỄN TRẦN THÀNH VINH	Nam	24/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 46	8.00	7.75	7.30	0.00	0.00	23.05	12B
78	240045	PHẠM VŨ GIA BẢO	Nam	02/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	8.50	7.25	7.30	0.00	0.00	23.05	12B
79	240109	PHẠM TIẾN ĐÔNG	Nam	02/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 5	9.00	5.75	8.30	0.00	0.00	23.05	12B
80	240418	TRẦN ANH THƯ	Nữ	10/11/2011	THCS Văn Hải	Phòng 18	8.00	7.50	7.55	0.00	0.00	23.05	12B
81	240434	PHẠM THỊ KIỀU TRANG	Nữ	08/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 19	7.50	8.25	7.30	0.00	0.00	23.05	12B
82	240472	PHẠM THỊ HỒNG TUYẾT	Nữ	21/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 20	7.50	8.50	7.05	0.00	0.00	23.05	12B
83	240033	ĐINH NGỌC ÁNH	Nữ	29/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	8.00	8.00	7.00	0.00	0.00	23.00	12B
84	240019	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	13/01/2011	THCS Văn Hải	Phòng 1	7.50	8.50	6.95	0.00	0.00	22.95	12B
85	240296	BÙI THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	06/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 13	7.50	8.25	7.20	0.00	0.00	22.95	12B
86	240139	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	12/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 6	8.00	7.50	7.40	0.00	0.00	22.90	12B
87	240446	TRẦN THỊ NGỌC TRÚC	Nữ	08/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	8.00	8.00	6.90	0.00	0.00	22.90	12B
88	240497	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Nữ	03/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	7.75	8.00	7.15	0.00	0.00	22.90	12B
89	240149	TRẦN THU HOÀI	Nữ	16/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 7	7.75	8.75	6.35	0.00	0.00	22.85	12C
90	240182	NGUYỄN MINH HUNG	Nam	05/08/2011	THCS Đông Hải	Phòng 8	8.00	7.00	7.80	0.00	0.00	22.80	12C
91	240350	VŨ HOÀNG PHÚC	Nam	01/03/2011	THCS Kim Tân	Phòng 15	8.50	7.75	6.50	0.00	0.00	22.75	12C
92	240025	PHẠM VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	7.75	7.50	7.45	0.00	0.00	22.70	12C
93	240127	ĐOÀN THỊ MINH HẰNG	Nữ	16/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	8.50	8.25	5.95	0.00	0.00	22.70	12C
94	240261	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	19/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 11	7.75	7.75	7.20	0.00	0.00	22.70	12C
95	240327	PHẠM ĐỖ TUYẾT NHI	Nữ	20/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 14	8.50	7.75	6.45	0.00	0.00	22.70	12C
96	240329	TRẦN KHÁNH NHI	Nữ	27/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 14	8.50	8.00	6.20	0.00	0.00	22.70	12C
97	240484	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	07/09/2011	THCS Kim Tân	Phòng 21	7.50	7.75	7.45	0.00	0.00	22.70	12C
98	240055	PHẠM NGỌC THÙY CHÂM	Nữ	23/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 3	7.00	7.75	7.90	0.00	0.00	22.65	12C
99	240364	TRẦN BẢO QUỐC	Nam	30/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 16	7.50	8.25	6.90	0.00	0.00	22.65	12C
100	240148	PHAN THỊ THU HOÀI	Nữ	21/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	8.00	7.50	7.10	0.00	0.00	22.60	12C

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
101	240172	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	15/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 8	8.50	7.00	7.10	0.00	0.00	22.60	12C
102	240286	TRẦN ANH NAM	Nam	12/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 12	8.25	8.00	6.35	0.00	0.00	22.60	12C
103	240021	PHẠM LAN ANH	Nữ	24/11/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 1	7.50	7.50	7.55	0.00	0.00	22.55	12C
104	240368	ĐOÀN THỊ TÚ QUỲNH	Nữ	03/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	8.00	8.25	6.30	0.00	0.00	22.55	12C
105	240450	TRẦN MẠNH TRUNG	Nam	29/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 19	7.00	8.00	7.55	0.00	0.00	22.55	12C
106	240058	ĐINH NGÔ MINH CHÂU	Nam	20/07/2011	THCS Bình Minh	Phòng 3	8.25	7.50	6.75	0.00	0.00	22.50	12C
107	240217	TRẦN NGỌC LAN	Nữ	06/06/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 10	7.50	7.50	7.50	0.00	0.00	22.50	12C
108	240087	TÔ ĐỨC DUY	Nam	08/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 4	8.00	8.25	6.20	0.00	0.00	22.45	12C
109	240181	LÊ VIỆT HÙNG	Nam	29/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	7.50	7.50	7.45	0.00	0.00	22.45	12C
110	240271	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	20/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 12	6.75	8.50	7.20	0.00	0.00	22.45	12C
111	240272	PHẠM BÌNH MINH	Nam	03/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 12	7.25	8.00	7.20	0.00	0.00	22.45	12C
112	240128	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	19/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 6	7.75	7.75	6.90	0.00	0.00	22.40	12C
113	240120	HOÀNG THANH HÀ	Nữ	12/09/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 5	7.00	7.25	8.10	0.00	0.00	22.35	12C
114	240144	LƯƠNG THỊ THANH HOA	Nữ	06/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 6	7.75	8.00	6.60	0.00	0.00	22.35	12C
115	240203	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	19/05/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 9	8.00	6.75	7.55	0.00	0.00	22.30	12C
116	240242	PHẠM NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	15/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 11	7.00	8.00	7.30	0.00	0.00	22.30	12C
117	240252	PHẠM THÀNH LONG	Nam	31/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	8.00	6.75	7.55	0.00	0.00	22.30	12C
118	240417	TÔ MINH THƯ	Nữ	28/06/2011	THCS Kim Tân	Phòng 18	7.50	7.50	7.30	0.00	0.00	22.30	12C
119	240157	ĐỖ ÁNH HỒNG	Nam	30/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 7	8.00	7.25	6.95	0.00	0.00	22.20	12C
120	240232	NGUYỄN NGỌC THUỶ LINH	Nữ	15/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	8.00	8.50	5.70	0.00	0.00	22.20	12C
121	240379	VŨ NHẬT TÂN	Nam	25/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 16	7.75	8.50	5.95	0.00	0.00	22.20	12C
122	240291	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	08/11/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 13	7.50	8.00	6.65	0.00	0.00	22.15	12C
123	240492	PHẠM HÀ VY	Nữ	16/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	6.75	8.50	6.90	0.00	0.00	22.15	12C
124	240473	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	20/05/2011	THCS Đông Hải	Phòng 20	7.50	8.75	5.85	0.00	0.00	22.10	12C
125	240328	PHẠM TUYẾT NHI	Nữ	02/03/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 14	7.50	7.50	7.05	0.00	0.00	22.05	12C
126	240348	PHẠM ĐỨC PHÚC	Nam	12/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 15	8.00	6.75	7.30	0.00	0.00	22.05	12C
127	240183	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	06/03/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	8.00	7.75	6.25	0.00	0.00	22.00	12C
128	240211	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	26/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 9	7.75	8.25	6.00	0.00	0.00	22.00	12C
129	240481	TRẦN THỊ THÚY VÂN	Nữ	01/01/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 21	7.75	7.75	6.50	0.00	0.00	22.00	12C
130	240106	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	22/06/2011	THCS Bình Minh	Phòng 5	8.00	8.25	5.70	0.00	0.00	21.95	12C
131	240110	PHẠM VĂN ĐÔNG	Nam	08/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 5	7.75	6.50	7.70	0.00	0.00	21.95	12C
132	240124	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	23/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 6	8.00	7.75	6.20	0.00	0.00	21.95	12C
133	240230	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	7.00	8.50	6.45	0.00	0.00	21.95	12D
134	240233	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	10/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	7.75	7.75	6.45	0.00	0.00	21.95	12D
135	240419	VŨ MINH THƯ	Nữ	05/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 18	7.25	7.25	7.45	0.00	0.00	21.95	12D

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
136	240053	NGUYỄN THANH BÌNH	Nữ	04/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 3	7.50	7.50	6.90	0.00	0.00	21.90	12D
137	240282	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	16/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 12	7.25	7.50	7.10	0.00	0.00	21.85	12D
138	240303	NGUYỄN ÁNH NGỌC	Nữ	31/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	8.00	7.50	6.35	0.00	0.00	21.85	12D
139	240311	TRẦN BẢO NGỌC	Nam	23/02/2011	THCS Văn Hải	Phòng 13	8.00	7.75	6.10	0.00	0.00	21.85	12D
140	240386	ĐỖ PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 17	7.00	9.00	5.85	0.00	0.00	21.85	12D
141	240027	PHAN QUỐC ANH	Nam	05/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	6.50	7.25	8.05	0.00	0.00	21.80	12D
142	240443	NGUYỄN NGỌC BẢO TRINH	Nữ	06/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	7.75	8.25	5.80	0.00	0.00	21.80	12D
143	240197	TRẦN BẢO KHANH	Nam	03/03/2011	THCS Văn Hải	Phòng 9	7.50	7.75	6.45	0.00	0.00	21.70	12D
144	240216	TRẦN NGỌC LAN	Nữ	06/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 9	7.75	7.50	6.45	0.00	0.00	21.70	12D
145	240287	TRẦN ĐẮC PHƯƠNG NAM	Nam	28/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	8.25	8.00	5.45	0.00	0.00	21.70	12D
146	240294	PHẠM MINH NGHĨA	Nam	01/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 13	7.25	7.75	6.70	0.00	0.00	21.70	12D
147	240413	NGUYỄN MINH THỨ	Nữ	01/11/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 18	7.75	8.00	5.95	0.00	0.00	21.70	12D
148	240431	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/09/2011	THCS Văn Hải	Phòng 18	7.50	7.75	6.45	0.00	0.00	21.70	12D
149	240500	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	07/05/2011	THCS Kim Tân	Phòng 21	7.25	8.50	5.95	0.00	0.00	21.70	12D
150	240001	PHẠM GIA AN	Nam	29/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 1	8.50	7.50	5.60	0.00	0.00	21.60	12D
151	240067	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	Nam	24/11/2011	THCS Văn Hải	Phòng 3	8.50	7.75	5.35	0.00	0.00	21.60	12D
152	240173	LƯƠNG HẰNG HUYỀN	Nữ	07/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	8.00	7.00	6.60	0.00	0.00	21.60	12D
153	240175	NINH THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/07/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	7.00	7.75	6.85	0.00	0.00	21.60	12D
154	240191	TRỊNH THỊ THU HƯỜNG	Nữ	12/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 8	8.00	7.50	6.10	0.00	0.00	21.60	12D
155	240408	NGUYỄN HỒNG THÚY	Nữ	28/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 17	8.00	6.75	6.85	0.00	0.00	21.60	12D
156	240502	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	12/02/2011	THCS Đông Hải	Phòng 21	8.50	7.50	5.60	0.00	0.00	21.60	12D
157	240059	LÊ BẢO CHÂU	Nam	22/05/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 3	8.00	5.50	8.05	0.00	0.00	21.55	12D
158	240415	NGUYỄN THỊ ANH THỨ	Nữ	01/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 18	7.25	7.25	7.00	0.00	0.00	21.50	12D
159	240429	ĐỖ THU TRANG	Nữ	22/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 18	7.75	7.25	6.50	0.00	0.00	21.50	12D
160	240134	PHẠM HOÀNG HIỆP	Nam	30/07/2011	THCS Văn Hải	Phòng 6	7.50	7.50	6.45	0.00	0.00	21.45	12D
161	240196	PHAN BẢO KHANH	Nam	26/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 9	7.75	7.75	5.95	0.00	0.00	21.45	12D
162	240347	PHẠM DUY PHÚC	Nam	15/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	7.50	7.00	6.95	0.00	0.00	21.45	12D
163	240166	NGUYỄN BẢO HUY	Nam	24/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	7.75	7.00	6.60	0.00	0.00	21.35	12D
164	240278	ĐOÀN DIỄM MY	Nữ	15/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 12	5.75	7.75	7.85	0.00	0.00	21.35	12D
165	240320	ĐÀO MINH NHẬT	Nam	24/07/2011	THCS Kim Tân	Phòng 14	8.50	6.25	6.60	0.00	0.00	21.35	12D
166	240436	TRẦN THANH TRANG	Nữ	02/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 19	7.25	8.00	6.10	0.00	0.00	21.35	12D
167	240116	TRẦN ANH ĐỨC	Nam	14/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 5	7.50	5.50	8.25	0.00	0.00	21.25	12D
168	240121	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	21/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	7.50	7.25	6.50	0.00	0.00	21.25	12D
169	240162	TRẦN MINH HÙNG	Nam	15/12/2011	THCS Kim Tân	Phòng 7	7.25	7.25	6.75	0.00	0.00	21.25	12D
170	240185	TRẦN TUẤN HÙNG	Nam	07/02/2011	THCS Kim Tân	Phòng 8	8.75	7.25	5.25	0.00	0.00	21.25	12D

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
171	240279	ĐỖ THỊ TRÀ MY	Nữ	01/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	7.00	8.00	6.25	0.00	0.00	21.25	12D
172	240322	BÙI NGỌC UYÊN NHI	Nữ	18/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 14	6.50	6.50	8.25	0.00	0.00	21.25	12D
173	240425	TRẦN QUANG TỈNH	Nam	23/04/2011	THCS Kim Tân	Phòng 18	8.50	6.00	6.75	0.00	0.00	21.25	12D
174	240022	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	03/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 1	7.50	7.50	6.20	0.00	0.00	21.20	12D
175	240143	TRẦN HUY HIẾU	Nam	16/08/2011	THCS Kim Tân	Phòng 6	7.25	6.75	7.20	0.00	0.00	21.20	12D
176	240227	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	15/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 10	7.50	7.25	6.45	0.00	0.00	21.20	12D
177	240237	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	17/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	8.00	7.75	5.45	0.00	0.00	21.20	12E
178	240304	NGUYỄN ÁNH NGỌC	Nữ	15/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 13	6.50	8.50	6.20	0.00	0.00	21.20	12E
179	240469	PHAN THANH TÙNG	Nam	30/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 20	8.00	7.25	5.95	0.00	0.00	21.20	12E
180	240061	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	23/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 3	7.00	7.75	6.40	0.00	0.00	21.15	12E
181	240089	TRẦN HOÀNG DUY	Nam	01/03/2011	THCS Bình Minh	Phòng 4	7.50	8.00	5.60	0.00	0.00	21.10	12E
182	240226	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	02/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	7.50	9.00	4.60	0.00	0.00	21.10	12E
183	240050	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	09/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 3	8.25	7.00	5.80	0.00	0.00	21.05	12E
184	240205	PHẠM THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	12/11/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 9	6.25	7.75	7.05	0.00	0.00	21.05	12E
185	240381	PHAN THỊ NGỌC THANH	Nữ	01/08/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	7.00	7.50	6.55	0.00	0.00	21.05	12E
186	240023	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 1	6.75	7.50	6.75	0.00	0.00	21.00	12E
187	240171	HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	Nữ	14/06/2011	THCS Đông Hải	Phòng 8	8.50	6.25	6.25	0.00	0.00	21.00	12E
188	240374	HÀ THÁI SƠN	Nam	17/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	7.25	7.25	6.50	0.00	0.00	21.00	12E
189	240032	VŨ TUẤN ANH	Nam	01/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 2	7.50	6.75	6.70	0.00	0.00	20.95	12E
190	240085	VŨ ANH DŨNG	Nam	11/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 4	7.50	7.50	5.95	0.00	0.00	20.95	12E
191	240096	ĐINH BÍCH DƯƠNG	Nữ	04/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 4	6.00	8.25	6.70	0.00	0.00	20.95	12E
192	240107	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	18/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 5	6.00	7.75	7.20	0.00	0.00	20.95	12E
193	240152	ĐINH QUỐC HOÀNG	Nam	01/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 7	8.00	7.75	5.20	0.00	0.00	20.95	12E
194	240161	TRẦN THỊ THANH HUỆ	Nữ	19/03/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	8.50	6.75	5.70	0.00	0.00	20.95	12E
195	240206	VŨ MINH KHÁNH	Nam	13/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 9	7.00	8.00	5.85	0.00	0.00	20.85	12E
196	240245	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	06/08/2011	THCS Kim Tân	Phòng 11	6.75	8.00	6.10	0.00	0.00	20.85	12E
197	240255	HOÀNG ĐỨC LỢI	Nam	04/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 11	8.00	7.25	5.60	0.00	0.00	20.85	12E
198	240387	ĐỖ THỊ THANH THẢO	Nữ	23/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	5.75	8.75	6.35	0.00	0.00	20.85	12E
199	240406	PHAN THỊ HOÀI THU	Nữ	31/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	7.75	6.25	6.80	0.00	0.00	20.80	12E
200	240442	LÊ MỸ PHƯƠNG TRINH	Nữ	14/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 19	7.00	8.75	5.05	0.00	0.00	20.80	12E
201	240040	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	28/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	7.75	8.50	4.50	0.00	0.00	20.75	12E
202	240111	CHU HỒNG ĐỨC	Nam	21/12/2011	THCS Văn Hải	Phòng 5	8.00	6.75	6.00	0.00	0.00	20.75	12E
203	240164	LÊ ANH HUY	Nam	09/02/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 7	7.50	7.00	6.25	0.00	0.00	20.75	12E
204	240428	ĐINH NHẬT PHƯƠNG TRANG	Nữ	13/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 18	7.00	6.50	7.25	0.00	0.00	20.75	12E
205	240138	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	07/07/2011	THCS Kim Tân	Phòng 6	8.00	7.25	5.45	0.00	0.00	20.70	12E

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
206	240218	TRẦN PHƯƠNG LAN	Nữ	02/11/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	7.25	6.75	6.70	0.00	0.00	20.70	12E
207	240280	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	7.25	8.00	5.45	0.00	0.00	20.70	12E
208	240399	VŨ ĐỨC THẮNG	Nam	03/08/2011	THCS Đông Hải	Phòng 17	7.50	6.75	6.45	0.00	0.00	20.70	12E
209	240199	LÊ VĂN KHÁNH	Nữ	10/09/2011	THCS Văn Hải	Phòng 9	7.75	6.50	6.40	0.00	0.00	20.65	12E
210	010918	LÊ TRẦN NGUYỆT ÁNH	Nữ	31/01/2011	THCS Kim Tân	Phòng 47	8.25	6.25	6.10	0.00	0.00	20.60	12E
211	240006	BÙI CHÂM ANH	Nữ	09/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 1	7.00	7.75	5.85	0.00	0.00	20.60	12E
212	240073	CÙ CAO CƯỜNG	Nam	21/05/2011	THCS Kim Tân	Phòng 4	7.50	6.75	6.35	0.00	0.00	20.60	12E
213	240076	NGUYỄN CÔNG DANH	Nam	16/08/2011	THCS Bình Minh	Phòng 4	7.50	9.00	4.10	0.00	0.00	20.60	12E
214	240184	PHẠM TUẤN HƯNG	Nam	17/04/2011	THCS Đông Hải	Phòng 8	8.00	6.75	5.85	0.00	0.00	20.60	12E
215	240266	NGUYỄN VĂN MAI	Nam	22/10/2010	THCS Văn Hải	Phòng 12	7.25	7.75	5.60	0.00	0.00	20.60	12E
216	240464	CAO THANH TÙNG	Nam	19/05/2011	THCS Văn Hải	Phòng 20	8.00	7.25	5.35	0.00	0.00	20.60	12E
217	240103	PHAN TRẦN THẾ ĐAN	Nam	11/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 5	8.00	7.50	5.05	0.00	0.00	20.55	12E
218	240119	ĐỖ THỊ THU HÀ	Nữ	30/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 5	6.50	7.75	6.30	0.00	0.00	20.55	12E
219	240365	TRẦN KIẾN QUỐC	Nam	17/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	7.50	7.00	6.05	0.00	0.00	20.55	12E
220	240122	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	24/06/2011	THCS Đông Hải	Phòng 6	8.00	8.00	4.50	0.00	0.00	20.50	12E
221	240030	TRẦN NGUYỄN MINH ANH	Nữ	16/07/2011	THCS Văn Hải	Phòng 2	5.50	8.75	6.20	0.00	0.00	20.45	12G
222	240214	TRẦN ANH KIẾT	Nam	14/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 9	7.00	8.00	5.45	0.00	0.00	20.45	12G
223	240351	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Nam	18/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 15	8.25	7.25	4.95	0.00	0.00	20.45	12G
224	240496	TRỊNH NGUYỄN THẢO VY	Nữ	21/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 21	8.00	8.00	4.45	0.00	0.00	20.45	12G
225	240075	LÊ THÀNH DANH	Nam	09/11/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 4	8.00	7.25	5.10	0.00	0.00	20.35	12G
226	240366	VŨ MINH QUÝ	Nam	24/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 16	6.25	6.75	7.35	0.00	0.00	20.35	12G
227	240388	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 17	7.75	7.25	5.35	0.00	0.00	20.35	12G
228	240407	MAI PHƯƠNG THÚY	Nữ	12/09/2011	THCS Văn Hải	Phòng 17	7.25	7.00	6.10	0.00	0.00	20.35	12G
229	240460	NGUYỄN HOÀNG HUY TUẤN	Nam	13/08/2011	THCS Kim Tân	Phòng 20	6.75	8.00	5.60	0.00	0.00	20.35	12G
230	240485	NGUYỄN THẾ VINH	Nam	28/03/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 21	7.00	7.25	6.10	0.00	0.00	20.35	12G
231	240018	NGUYỄN PHẠM THÁI ANH	Nam	05/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 1	7.50	7.25	5.55	0.00	0.00	20.30	12G
232	240168	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	14/01/2011	THCS Văn Hải	Phòng 7	7.00	7.00	4.75	0.00	1.50	20.25	12G
233	240228	LÊ THỊ THUY LINH	Nữ	22/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	5.75	7.50	7.00	0.00	0.00	20.25	12G
234	240300	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	07/08/2011	THCS Văn Hải	Phòng 13	6.75	7.50	6.00	0.00	0.00	20.25	12G
235	240362	NGUYỄN MẠNH QUÂN	Nam	09/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 16	8.50	6.25	5.50	0.00	0.00	20.25	12G
236	240378	PHẠM GIANG TÂN	Nam	16/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	6.75	7.75	5.75	0.00	0.00	20.25	12G
237	240123	PHẠM THU HÀ	Nữ	05/12/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 6	6.00	7.75	6.45	0.00	0.00	20.20	12G
238	240393	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 17	7.50	8.25	4.45	0.00	0.00	20.20	12G
239	240432	NINH THUY TRANG	Nữ	11/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 18	6.25	8.50	5.45	0.00	0.00	20.20	12G
240	240433	PHẠM NGỌC HUYỀN TRANG	Nữ	16/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	7.00	7.50	5.70	0.00	0.00	20.20	12G

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
241	240467	PHẠM MINH TÙNG	Nam	16/07/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 20	6.25	6.50	7.45	0.00	0.00	20.20	12G
242	240026	PHAN NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	17/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 2	6.75	8.00	5.35	0.00	0.00	20.10	12G
243	240361	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	07/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 16	8.00	7.00	5.10	0.00	0.00	20.10	12G
244	240383	LÊ XUÂN THÀNH	Nam	26/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 16	6.50	7.25	6.35	0.00	0.00	20.10	12G
245	240239	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	12/07/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 10	7.00	7.50	5.50	0.00	0.00	20.00	12G
246	240263	NGUYỄN NGỌC LÝ	Nữ	27/06/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 11	5.00	8.00	7.00	0.00	0.00	20.00	12G
247	240011	ĐỖ HOÀNG ANH	Nữ	25/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 1	7.50	7.00	5.45	0.00	0.00	19.95	12G
248	240344	TRẦN THẾ PHONG	Nam	14/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 15	6.00	7.00	6.95	0.00	0.00	19.95	12G
249	240423	PHẠM THUY TIÊN	Nữ	26/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 18	6.50	7.25	6.20	0.00	0.00	19.95	12G
250	240339	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	11/01/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 15	7.50	6.75	5.65	0.00	0.00	19.90	12G
251	240039	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 2	7.50	7.75	4.60	0.00	0.00	19.85	12G
252	240312	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	04/03/2011	THCS Kim Tân	Phòng 13	7.75	7.50	4.60	0.00	0.00	19.85	12G
253	240323	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	20/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 14	6.75	7.50	5.60	0.00	0.00	19.85	12G
254	240337	TRẦN HOÀI NHƯ	Nữ	17/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	6.25	7.25	6.35	0.00	0.00	19.85	12G
255	240430	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	24/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 18	7.50	7.75	4.60	0.00	0.00	19.85	12G
256	240256	DƯƠNG NHẬT LY	Nữ	19/08/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	7.00	7.50	5.25	0.00	0.00	19.75	12G
257	240010	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	19/04/2011	THCS Văn Hải	Phòng 1	6.75	7.00	5.95	0.00	0.00	19.70	12G
258	240082	TRẦN THỊ THUY DUNG	Nữ	03/07/2011	THCS Văn Hải	Phòng 4	6.50	8.00	5.20	0.00	0.00	19.70	12G
259	240038	TRẦN THỊ MINH ÁNH	Nữ	13/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	7.00	7.50	5.15	0.00	0.00	19.65	12G
260	240315	VŨ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	07/06/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 14	6.00	6.75	6.85	0.00	0.00	19.60	12G
261	240330	TRẦN NGỌC NHI	Nữ	28/05/2011	THCS Kim Tân	Phòng 14	7.25	7.00	5.35	0.00	0.00	19.60	12G
262	240100	TRẦN TÙNG DƯƠNG	Nam	16/01/2011	THCS Kim Tân	Phòng 5	8.00	4.25	7.30	0.00	0.00	19.55	12G
263	240435	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	18/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	5.25	7.50	6.80	0.00	0.00	19.55	12G
264	240125	PHẠM MINH HÀO	Nam	10/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 6	7.25	7.75	4.50	0.00	0.00	19.50	12G
265	240240	NGUYỄN TRẦN THUY LINH	Nữ	07/04/2011	THCS Kim Tân	Phòng 10	7.00	6.75	5.75	0.00	0.00	19.50	12H
266	240468	PHAN ĐÌNH TÙNG	Nam	18/02/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 20	6.50	6.50	6.50	0.00	0.00	19.50	12H
267	240046	TRẦN DƯƠNG THÁI BẢO	Nữ	03/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	6.25	7.25	5.95	0.00	0.00	19.45	12H
268	240097	HOÀNG TÙNG DƯƠNG	Nam	09/12/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 5	7.00	7.50	4.95	0.00	0.00	19.45	12H
269	240412	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	10/02/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 18	6.75	7.50	5.20	0.00	0.00	19.45	12H
270	240115	LÊ MINH ĐỨC	Nam	07/01/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 5	6.25	6.25	6.85	0.00	0.00	19.35	12H
271	240231	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	16/05/2011	THCS Đông Hải	Phòng 10	6.75	6.75	5.85	0.00	0.00	19.35	12H
272	240316	VŨ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	23/02/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	7.75	6.00	5.60	0.00	0.00	19.35	12H
273	240380	NGUYỄN THỊ KIM THANH	Nữ	10/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 16	6.00	7.50	5.85	0.00	0.00	19.35	12H
274	240020	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	26/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 1	7.75	6.75	4.75	0.00	0.00	19.25	12H
275	240179	PHẠM ĐỖ HUỖNH	Nam	15/04/2011	THCS Kim Tân	Phòng 8	7.25	6.25	5.75	0.00	0.00	19.25	12H

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
276	240200	MAI DUY KHÁNH	Nam	17/08/2011	THCS Văn Hải	Phòng 9	7.00	6.50	5.75	0.00	0.00	19.25	12H
277	240208	PHẠM ĐĂNG KHOA	Nam	18/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 9	7.75	6.50	5.00	0.00	0.00	19.25	12H
278	240355	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	11/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 15	7.25	6.00	6.00	0.00	0.00	19.25	12H
279	240363	TRẦN VŨ MINH QUÂN	Nam	01/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 16	7.50	6.50	5.25	0.00	0.00	19.25	12H
280	240293	NGUYỄN NHÂN NGHĨA	Nam	01/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	7.25	7.50	4.45	0.00	0.00	19.20	12H
281	240081	NGUYỄN THÀNH DOANH	Nam	09/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 4	7.50	7.00	4.60	0.00	0.00	19.10	12H
282	240269	TRẦN DUY MẠNH	Nam	23/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 12	8.00	6.50	4.60	0.00	0.00	19.10	12H
283	240277	VŨ QUANG MINH	Nam	08/04/2011	THCS Đông Hải	Phòng 12	6.00	7.75	5.35	0.00	0.00	19.10	12H
284	240292	TRẦN THỊ BẢO NGÂN	Nữ	26/11/2011	THCS Kim Tân	Phòng 13	5.25	8.25	5.60	0.00	0.00	19.10	12H
285	240306	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	14/09/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 13	6.00	7.75	5.35	0.00	0.00	19.10	12H
286	240401	CAO NGỌC BẢO THỊ	Nữ	03/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	6.75	7.50	4.85	0.00	0.00	19.10	12H
287	240482	TRẦN TƯỜNG VI	Nữ	30/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	7.00	8.25	3.85	0.00	0.00	19.10	12H
288	240069	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	Nữ	28/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 3	6.75	7.00	5.30	0.00	0.00	19.05	12H
289	240130	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	07/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	6.25	8.00	4.75	0.00	0.00	19.00	12H
290	240141	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/03/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 6	5.75	8.00	5.25	0.00	0.00	19.00	12H
291	240146	ĐÀO THỊ THU HOÀI	Nữ	01/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	6.75	6.75	5.50	0.00	0.00	19.00	12H
292	240147	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	Nữ	11/07/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 7	7.50	6.25	5.25	0.00	0.00	19.00	12H
293	240193	LẠI BẢO KHANG	Nam	08/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 9	6.50	7.00	5.50	0.00	0.00	19.00	12H
294	240318	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	Nữ	21/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 14	7.50	5.75	5.75	0.00	0.00	19.00	12H
295	240321	NGUYỄN LONG NHẬT	Nam	17/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 14	7.50	5.25	6.25	0.00	0.00	19.00	12H
296	240340	ĐINH TẤN PHÁT	Nam	26/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 15	6.50	6.50	6.00	0.00	0.00	19.00	12H
297	240456	PHẠM ĐỨC TỬ	Nam	11/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 19	7.25	7.25	4.50	0.00	0.00	19.00	12H
298	240054	NGUYỄN THỊ KIỀU CHÂM	Nữ	14/02/2011	THCS Đông Hải	Phòng 3	7.50	6.75	4.70	0.00	0.00	18.95	12H
299	240101	VŨ TIẾN ĐẠI	Nam	15/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 5	7.75	6.00	5.20	0.00	0.00	18.95	12H
300	240008	BÙI QUỲNH ANH	Nữ	30/05/2011	THCS Kim Tân	Phòng 1	8.00	6.25	4.60	0.00	0.00	18.85	12H
301	240036	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	14/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	7.50	7.50	3.85	0.00	0.00	18.85	12H
302	240112	ĐẶNG MINH ĐỨC	Nam	12/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 5	8.00	6.50	4.35	0.00	0.00	18.85	12H
303	240145	TRẦN THÁI HOÀ	Nam	02/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 7	6.75	6.00	6.10	0.00	0.00	18.85	12H
304	240384	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	11/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 16	6.25	7.00	5.60	0.00	0.00	18.85	12H
305	240438	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 19	8.00	5.50	5.35	0.00	0.00	18.85	12H
306	240028	PHAN THỊ KIM ANH	Nữ	26/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	7.75	6.75	4.25	0.00	0.00	18.75	12H
307	240079	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	07/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 4	6.25	7.75	4.75	0.00	0.00	18.75	12H
308	240158	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	Nữ	08/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 7	7.50	6.25	5.00	0.00	0.00	18.75	12H
309	240165	LƯƠNG GIA HUY	Nam	17/02/2011	THCS Văn Hải	Phòng 7	7.00	6.50	5.25	0.00	0.00	18.75	12K
310	240444	HOÀNG THANH TRÚC	Nữ	02/01/2011	THCS Kim Tân	Phòng 19	6.50	6.50	5.75	0.00	0.00	18.75	12K

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
311	240086	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	01/07/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 4	7.00	7.75	3.95	0.00	0.00	18.70	12K
312	240095	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	Nữ	13/10/2011	THCS Văn Hải	Phòng 4	6.25	8.00	4.45	0.00	0.00	18.70	12K
313	240066	NGUYỄN NGỌC BẢO CHINH	Nữ	04/08/2011	THCS Kim Tân	Phòng 3	6.25	5.75	6.60	0.00	0.00	18.60	12K
314	240295	TRẦN LỄ NGHĨA	Nam	17/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 13	8.25	6.75	3.60	0.00	0.00	18.60	12K
315	240426	PHAN VĂN TỐI	Nam	04/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 18	5.75	7.75	5.10	0.00	0.00	18.60	12K
316	240210	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	23/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 9	6.75	7.50	4.25	0.00	0.00	18.50	12K
317	240251	PHẠM BẢO LONG	Nam	04/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	7.50	7.25	3.75	0.00	0.00	18.50	12K
318	240013	LÊ THỊ KIM ANH	Nữ	21/06/2011	THCS Văn Hải	Phòng 1	6.25	6.75	5.45	0.00	0.00	18.45	12K
319	240080	NGUYỄN THỊ DIỆU	Nữ	12/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 4	6.75	6.75	4.95	0.00	0.00	18.45	12K
320	240359	VŨ KIM PHƯỢNG	Nữ	05/12/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	6.50	6.75	5.20	0.00	0.00	18.45	12K
321	240136	ĐINH TRUNG HIỆU	Nam	02/01/2011	THCS Kim Tân	Phòng 6	5.75	6.75	5.85	0.00	0.00	18.35	12K
322	240309	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	04/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	5.75	8.00	4.60	0.00	0.00	18.35	12K
323	240310	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	07/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 13	6.50	6.50	5.35	0.00	0.00	18.35	12K
324	240313	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	15/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 14	5.25	7.50	5.60	0.00	0.00	18.35	12K
325	240331	TRẦN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	16/09/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 14	6.25	6.00	6.10	0.00	0.00	18.35	12K
326	240389	MAI THANH THẢO	Nữ	04/06/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 17	5.75	7.50	5.10	0.00	0.00	18.35	12K
327	240264	BÙI THỊ XUÂN MAI	Nữ	16/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 11	6.00	8.00	4.25	0.00	0.00	18.25	12K
328	240390	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	6.50	6.75	5.00	0.00	0.00	18.25	12K
329	240402	MAI PHƯỚC THỊNH	Nam	11/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 17	7.50	5.50	5.25	0.00	0.00	18.25	12K
330	240404	PHẠM ĐỨC THỊNH	Nam	18/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 17	7.75	6.50	4.00	0.00	0.00	18.25	12K
331	240475	NGUYỄN NGỌC UYÊN	Nữ	23/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 20	7.25	6.75	4.25	0.00	0.00	18.25	12K
332	240057	TRẦN THỊ BẢO CHÂM	Nữ	22/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 3	7.00	7.75	3.45	0.00	0.00	18.20	12K
333	240104	HÀ THỊ ĐÀO	Nữ	20/08/2011	THCS Đông Hải	Phòng 5	6.25	7.00	4.95	0.00	0.00	18.20	12K
334	240479	BÙI NGUYỄN HÀ VÂN	Nữ	05/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 20	5.50	7.00	5.70	0.00	0.00	18.20	12K
335	240273	PHẠM NHẬT MINH	Nam	24/08/2011	THCS Văn Hải	Phòng 12	5.25	7.25	5.60	0.00	0.00	18.10	12K
336	240377	ĐỖ THÀNH TÂM	Nam	09/12/2011	THCS Văn Hải	Phòng 16	6.50	7.50	4.10	0.00	0.00	18.10	12K
337	240195	NGUYỄN BẢO KHANH	Nam	27/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 9	6.25	6.00	5.80	0.00	0.00	18.05	12K
338	240071	TRẦN BẢO CHUNG	Nam	02/08/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 3	7.25	6.00	4.75	0.00	0.00	18.00	12K
339	240221	TRẦN PHƯƠNG LÂM	Nam	26/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	6.25	6.25	5.50	0.00	0.00	18.00	12K
340	240260	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	15/02/2011	THCS Định Hóa	Phòng 11	5.75	7.75	4.50	0.00	0.00	18.00	12K
341	240083	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	28/12/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 4	6.00	8.00	3.85	0.00	0.00	17.85	12K
342	240155	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	12/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 7	6.50	6.50	4.85	0.00	0.00	17.85	12K
343	240451	HOÀNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	28/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 19	8.00	6.00	3.85	0.00	0.00	17.85	12K
344	240099	TRẦN TUẤN DƯƠNG	Nam	30/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 5	7.50	5.25	5.00	0.00	0.00	17.75	12K
345	240289	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	16/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 13	7.75	5.75	4.25	0.00	0.00	17.75	12K

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
346	240400	NGUYỄN DUY THẾ	Nam	17/06/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	8.50	5.25	4.00	0.00	0.00	17.75	12K
347	240044	MAI GIA BẢO	Nam	18/01/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 2	7.25	6.25	4.00	0.00	0.00	17.50	12K
348	240180	ĐÌNH GIA HÙNG	Nam	20/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 8	6.50	7.50	3.50	0.00	0.00	17.50	12K
349	240461	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	19/12/2011	THCS Kim Tân	Phòng 20	7.00	5.50	5.00	0.00	0.00	17.50	12K
350	240499	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	5.50	7.25	4.75	0.00	0.00	17.50	12K
351	240063	PHẠM KHÁNH CHI	Nữ	07/03/2011	THCS Văn Hải	Phòng 3	5.75	6.75	4.95	0.00	0.00	17.45	12K
352	240070	NGUYỄN THẾ CHUNG	Nam	02/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 3	5.00	7.75	4.60	0.00	0.00	17.35	12K
353	240072	BÙI THANH CUỒNG	Nam	13/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 3	6.25	6.25	4.85	0.00	0.00	17.35	12M
354	240084	TRẦN TIẾN DŨNG	Nam	19/03/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 4	7.25	5.75	4.35	0.00	0.00	17.35	12M
355	240098	PHAN TÙNG DƯƠNG	Nam	01/01/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 5	6.75	7.00	3.60	0.00	0.00	17.35	12M
356	240358	TRẦN THỊ KIM PHƯỢNG	Nữ	10/01/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 15	4.75	6.75	5.85	0.00	0.00	17.35	12M
357	240398	PHẠM QUANG THẮNG	Nam	13/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 17	6.50	6.25	4.60	0.00	0.00	17.35	12M
358	240448	NGÔ QUANG TRUNG	Nam	14/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 19	5.25	5.25	6.85	0.00	0.00	17.35	12M
359	240498	CAO HẢI YẾN	Nữ	11/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 21	6.00	8.00	3.35	0.00	0.00	17.35	12M
360	240064	PHẠM MINH CHIẾN	Nam	16/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 3	6.25	6.75	4.25	0.00	0.00	17.25	12M
361	240178	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/12/2011	THCS Kim Tân	Phòng 8	4.25	5.75	7.25	0.00	0.00	17.25	12M
362	240476	PHẠM TRÚC UYÊN	Nữ	03/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 20	6.25	7.50	3.50	0.00	0.00	17.25	12M
363	240489	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	29/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	4.25	7.75	5.25	0.00	0.00	17.25	12M
364	240133	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	Nam	03/11/2011	THCS Văn Hải	Phòng 6	5.50	7.50	4.20	0.00	0.00	17.20	12M
365	240024	PHẠM TUẤN ANH	Nam	06/08/2011	THCS Bình Minh	Phòng 1	6.25	6.75	4.00	0.00	0.00	17.00	12M
366	240031	VŨ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	18/07/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 2	5.75	7.00	4.25	0.00	0.00	17.00	12M
367	240041	NGUYỄN THIÊN AN	Nam	09/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	7.25	6.25	3.50	0.00	0.00	17.00	12M
368	240042	HOÀNG NGỌC BÁCH	Nam	11/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 2	6.75	6.25	4.00	0.00	0.00	17.00	12M
369	240126	TRẦN QUỐC HÀO	Nam	02/01/2011	THCS Côn Thoi	Phòng 6	6.25	5.50	5.25	0.00	0.00	17.00	12M
370	240132	PHAN DUY HIỂN	Nam	27/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 6	6.75	6.50	3.75	0.00	0.00	17.00	12M
371	240223	CAO THỊ THÙY LINH	Nữ	02/05/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	6.00	8.00	3.00	0.00	0.00	17.00	12M
372	240224	ĐỖ PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	17/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	5.00	7.25	4.75	0.00	0.00	17.00	12M
373	240238	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	24/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 10	6.25	6.50	4.25	0.00	0.00	17.00	12M
374	240307	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	14/11/2011	THCS Văn Hải	Phòng 13	5.00	7.50	4.50	0.00	0.00	17.00	12M
375	240397	KHỨC HỒNG THẮNG	Nam	12/08/2011	THCS Đông Hải	Phòng 17	6.75	6.25	4.00	0.00	0.00	17.00	12M
376	240439	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	03/09/2011	THCS Kim Tân	Phòng 19	6.25	6.25	4.50	0.00	0.00	17.00	12M
377	240447	VŨ THANH TRÚC	Nữ	08/11/2011	THCS Kim Tân	Phòng 19	6.00	6.00	5.00	0.00	0.00	17.00	12M
378	240003	PHAN TRƯỜNG AN	Nam	28/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 1	6.50	6.25	4.10	0.00	0.00	16.85	12M
379	240253	TRẦN ĐỨC LONG	Nam	26/12/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	7.50	4.75	4.60	0.00	0.00	16.85	12M
380	240445	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	21/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 19	6.75	6.25	3.85	0.00	0.00	16.85	12M

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
381	240029	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	10/03/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	7.00	6.00	3.75	0.00	0.00	16.75	12M
382	240065	TRẦN VĂN CHIẾN	Nam	05/02/2011	THCS Bình Minh	Phòng 3	6.50	5.25	5.00	0.00	0.00	16.75	12M
383	240222	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	Nữ	13/03/2011	THCS Bình Minh	Phòng 10	5.25	6.75	4.75	0.00	0.00	16.75	12M
384	240276	TRẦN VĂN MINH	Nam	21/04/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 12	7.25	6.50	3.00	0.00	0.00	16.75	12M
385	240093	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	12/01/2011	THCS Văn Hải	Phòng 4	4.75	7.50	4.45	0.00	0.00	16.70	12M
386	240332	TRẦN YẾN NHI	Nữ	28/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	6.00	5.50	5.20	0.00	0.00	16.70	12M
387	240471	PHẠM ÁNH TUYẾT	Nữ	10/05/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 20	5.25	6.25	5.20	0.00	0.00	16.70	12M
388	240487	BÙI PHẠM TUỜNG VY	Nữ	04/10/2011	THCS Bình Minh	Phòng 21	4.25	7.25	5.20	0.00	0.00	16.70	12M
389	240352	ĐÌNH THU PHƯƠNG	Nữ	22/06/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 15	5.25	6.50	4.85	0.00	0.00	16.60	12M
390	240494	TRẦN KHÁNH VY	Nữ	17/05/2011	THCS Đông Hải	Phòng 21	2.25	8.25	6.10	0.00	0.00	16.60	12M
391	240060	NGUYỄN MINH CHÂU	Nam	23/12/2011	THCS Văn Hải	Phòng 3	7.25	5.50	3.75	0.00	0.00	16.50	12M
392	240153	MAI HUY HOÀNG	Nam	23/02/2011	THCS Văn Hải	Phòng 7	7.00	6.00	3.50	0.00	0.00	16.50	12M
393	240409	ĐÌNH ANH THỨ	Nữ	27/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 18	7.50	5.25	3.75	0.00	0.00	16.50	12M
394	240151	ĐÀO HUY HOÀNG	Nam	16/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 7	6.50	5.50	4.35	0.00	0.00	16.35	12M
395	240108	PHAN VĂN ĐÔNG	Nam	03/09/2011	THCS Bình Minh	Phòng 5	5.25	6.50	4.50	0.00	0.00	16.25	12M
396	240373	VŨ THỊ ÁNH SAO	Nữ	31/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 16	6.75	5.75	3.75	0.00	0.00	16.25	12M
397	240405	CAO XUÂN THU	Nữ	29/08/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 17	6.00	5.75	4.50	0.00	0.00	16.25	12N
398	240437	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	27/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 19	5.50	6.00	4.75	0.00	0.00	16.25	12N
399	240449	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	26/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 19	4.75	6.00	5.50	0.00	0.00	16.25	12N
400	240477	TRẦN TÓ UYÊN	Nữ	15/11/2011	THCS Bình Minh	Phòng 20	6.00	7.00	3.25	0.00	0.00	16.25	12N
401	240486	LÊ ĐÌNH VĨNH	Nam	14/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 21	6.50	6.50	3.25	0.00	0.00	16.25	12N
402	240078	TRƯƠNG NHƯ ĐIỂM	Nữ	07/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 4	5.75	5.75	4.60	0.00	0.00	16.10	12N
403	240317	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	Nam	26/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	8.00	6.00	2.10	0.00	0.00	16.10	12N
404	240102	NGÔ MINH ĐAN	Nam	05/08/2011	THCS Bình Minh	Phòng 5	6.75	6.75	2.50	0.00	0.00	16.00	12N
405	240154	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	01/11/2011	THCS Kim Tân	Phòng 7	6.25	5.75	4.00	0.00	0.00	16.00	12N
406	240131	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	15/11/2011	THCS Đông Hải	Phòng 6	6.25	6.25	3.45	0.00	0.00	15.95	12N
407	240094	HOÀNG VĂN DỰ	Nam	13/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 4	5.50	7.75	2.60	0.00	0.00	15.85	12N
408	240248	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	14/04/2011	THCS Bình Minh	Phòng 11	5.00	5.25	5.60	0.00	0.00	15.85	12N
409	240333	VŨ TUỆ NHI	Nữ	12/12/2011	THCS Bình Minh	Phòng 14	7.00	5.50	3.35	0.00	0.00	15.85	12N
410	240394	TRẦN THANH THẢO	Nữ	15/04/2011	THCS Đông Hải	Phòng 17	7.25	5.25	3.35	0.00	0.00	15.85	12N
411	240236	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	01/05/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 10	4.25	6.75	4.75	0.00	0.00	15.75	12N
412	240370	TRẦN THỊ ĐIỂM QUỲNH	Nữ	04/09/2011	THCS Kim Tân	Phòng 16	5.50	5.00	5.25	0.00	0.00	15.75	12N
413	240466	PHẠM ĐÌNH TÙNG	Nam	05/11/2011	THCS Kim Tân	Phòng 20	5.50	6.75	3.50	0.00	0.00	15.75	12N
414	240270	LÊ CÔNG MINH	Nam	14/12/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 12	5.50	6.00	4.10	0.00	0.00	15.60	12N
415	240297	DƯƠNG THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	06/12/2011	THCS Văn Hải	Phòng 13	4.00	7.75	3.85	0.00	0.00	15.60	12N

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Phòng thi	Toán	Văn	Ngoại ngữ	ƯT	KK	Tổng điểm	Nộp hồ sơ tại lớp
416	240324	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	17/02/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	4.00	7.25	4.35	0.00	0.00	15.60	12N
417	240326	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	08/10/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 14	5.50	6.25	3.85	0.00	0.00	15.60	12N
418	240004	TRẦN THẾ AN	Nam	16/08/2011	THCS Kim Tân	Phòng 1	8.00	5.25	2.25	0.00	0.00	15.50	12N
419	240074	LÝ MINH CƯỜNG	Nam	11/02/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 4	5.75	5.50	4.25	0.00	0.00	15.50	12N
420	240090	VŨ MINH DUY	Nam	25/03/2011	THCS Văn Hải	Phòng 4	5.25	7.50	2.75	0.00	0.00	15.50	12N
421	240190	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	26/12/2011	THCS Kim Tân	Phòng 8	5.75	5.75	4.00	0.00	0.00	15.50	12N
422	240459	LIÊU VĂN TUẤN	Nam	18/04/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 20	6.50	6.50	2.50	0.00	0.00	15.50	12N
423	240488	HOÀNG THỊ THÚY VY	Nữ	10/10/2011	THCS Kim Tân	Phòng 21	6.50	5.25	3.75	0.00	0.00	15.50	12N
424	240357	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	06/01/2011	THCS Bình Minh	Phòng 15	5.25	5.75	4.35	0.00	0.00	15.35	12N
425	240314	TRƯƠNG THỊ BẢO NGỌC	Nữ	10/07/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	4.00	6.25	5.00	0.00	0.00	15.25	12N
426	240335	ĐỖ NGỌC NHƯ	Nữ	19/04/2011	THCS Đông Hải	Phòng 14	7.50	5.75	2.00	0.00	0.00	15.25	12N
427	240034	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	31/01/2011	THCS Đông Hải	Phòng 2	5.50	5.25	4.45	0.00	0.00	15.20	12N
428	240356	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	26/09/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 15	4.00	5.25	5.95	0.00	0.00	15.20	12N
429	240207	ĐOÀN ĐĂNG KHOA	Nam	09/10/2011	THCS Kim Mỹ	Phòng 9	4.50	6.25	4.30	0.00	0.00	15.05	12N
430	240118	PHAN NGUYỄN GIÁP	Nam	18/11/2011	THCS Kim Tân	Phòng 5	6.75	4.50	3.75	0.00	0.00	15.00	12N
431	240215	LẠI THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	23/10/2011	THCS Đông Hải	Phòng 9	5.50	6.25	3.25	0.00	0.00	15.00	12N
432	240246	TRẦN LÊ KHÁNH LINH	Nữ	16/09/2011	THCS Đông Hải	Phòng 11	4.75	5.75	4.50	0.00	0.00	15.00	12N
433	240259	PHẠM THỊ CẨM LY	Nữ	24/03/2010	THCS Kim Tân	Phòng 11	6.50	5.50	3.00	0.00	0.00	15.00	12N
434	240457	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	02/06/2011	THCS Cồn Thoi	Phòng 20	5.75	5.75	3.50	0.00	0.00	15.00	12N
435		Nguyễn Văn Hiếu	Nam	01/09/2011	THCS Bình Minh							Tuyển thẳng	
436		Vũ Phạm Thảo Nguyên	Nữ	17/09/2011	THCS Kim Mỹ							Tuyển thẳng	
437		Nguyễn Như Xuân	Nữ	04/06/2011	THCS Bình Minh							Tuyển thẳng	
438		Vũ Thái Sơn	Nam	16/09/2011	THCS Cồn Thoi							Tuyển thẳng	
439		Phạm Công Hoan	Nam	09/03/2010	THCS Cồn Thoi							Tuyển thẳng	
440		Nguyễn Như Mai	Nữ	04/06/2011	THCS Bình Minh							Tuyển thẳng	
441		Vũ Đăng Hiếu	Nam	06/02/2011	THCS Văn Hải							Tuyển thẳng	

Bình Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Nguyệt